

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài: **Tản Mạn Biên Hoà: Ai Về Gia Định, Đồng-Nai Thì Về** của **Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm**. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời.

Trân trọng.

AI VỀ GIA ĐỊNH, ĐỒNG-NAI THÌ VỀ **Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm**



Ngày nào không xa, tôi nhớ đã có lần ngồi một mình bên bờ sông vắng lạnh, tôi lặng nhìn những áng mây chiều trôi giữa lòng sông

sâu, như tìm về cố quận... Và từ xa đưa lại giọng hát hoài hương của cô lái đò duyên dáng:

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng-Nai thì về!*

Bấy giờ, tôi mới nhận thức rằng tôi đang ở ngã ba sông Đồng-Nai - Gia Định, một con sông trầm lặng nhưng chứa đựng một sức mạnh phi thường, khác nào người dân Việt với tinh thần bất khuất của họ.

Thoáng nghe giọng hát cô lái đò mà tôi nhớ lời ngày nào đáp tiếng gọi thiêng liêng của Tự Do, chúng tôi đã bồng bế, gồng gánh ra đi trong sương sớm để cùng nhau kéo về miền Đồng-Nai - Gia Định để lập lại cuộc đời mới, và tôi tin rằng nơi đây là đất lành chim đậu, đón chờ vận hội mới. Vào đây, tôi đã nghe thêm một câu hò tình tứ hơn nữa là vì nó chứa đựng và tràn đầy tình huynh đệ và huyết thống dân tộc khắp các nẻo đường quê hương:

*Rông châu ngoài Huế
Ngựa tể Đồng-Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây
Tới đây thì ở lại đây*

Bao giờ bén rễ, xanh cây thì về!

Và việc đầu tiên tôi đã làm khi đặt chân nơi đây là tìm hiểu lai lịch xứ này, và do đó tôi mới biết rằng hồi thế kỷ thứ XVII, xứ này là đất Chân-Lạp (Thuỷ Chân-Lạp). Người Việt sống rải rác nhiều vùng. Đến khi Tổng Binh Trần Thượng Xuyên và đoàn tùy tùng, bỏ Trung Hoa vì không thần phục nhà Thanh sang nước ta tỵ nạn, được Chúa Nguyễn cho vào Miền Nam lập nghiệp, năm 1679, giang sơn Chúa Nguyễn trải rộng lớn hơn.

Ngược dòng lịch sử, đoàn thuyền của Tổng Binh Trần Thượng Xuyên vào cửa sông (Cần Giờ ngày nay), ngược dòng, tiến sâu vào nội địa, dừng chân tại Bàn Lân (Bến Gỗ ngày nay), rồi sau đó chọn một cù lao định cư. Họ ra công tạo dựng phát triển thành một thương cảng nổi danh lúc bấy giờ tên gọi Cù Châu (Cù Lao Phố ngày nay). Nhưng vì tên Cù Châu khó cho việc định vị trí, nên họ chọn tên con sông hợp tình lý cho giới thương hồ, giao tiếp với dân chúng nơi đây. Dân bản xứ Thuỷ Chân-Lạp gọi tên sông là ***Daung-Nay*** (nghĩa là con sông lớn). Từ đó, người mình nói trại ra là Đông-Nai, và nhóm người Minh Hương theo tướng Trần Thượng Xuyên lập nghiệp, không phát âm chữ Đ được, nên gọi là Nông-Nại. Lúc bấy giờ cũng có số người đi dinh điền ở *Môi-Xúi*, Việt hoá thành *Mô-Xoài* gần Bà-Rịa.

Tôi cũng biết thêm rằng năm 1658, thế lực của Chúa Nguyễn đã lan rộng khắp Nam Phần; năm 1698 chiếm Miền Đông Nam Bộ và lập Doanh Trấn Biên (Biên-Hoà) và Phủ Gia Định (Sài-Gòn). Lần lần người Việt xuống đến sông Cửu-Long (1), Sài-Gòn trở nên Thủ Phủ của đất Gia Định, và là Ly Sở của Trấn Phiên An, Phủ Bình Dương, Huyện Tân Bình. Năm 1773, thành Gia Định được xây thêm rộng rãi và kiên cố, chu vi khoảng 15 lý.

Trong thời Tây Sơn và Nguyễn Ánh xung đột nhau, thành này bị Tây Sơn chiếm 4 lần, và sau cùng Nguyễn Ánh chiếm lại được vào năm 1788. Bấy giờ thành được tu tạo theo kiến trúc Tây Phương trong hai năm 1790-1791 và phải dùng đến 3 vạn dân công.

Từ năm 1803, Sài-Gòn vẫn là Thủ Phủ miền Gia Định, và là Ly Sở của Trấn Phiên An, Phủ Bình Dương và Huyện Tân Bình, cho đến năm 1859, người Pháp can thiệp vào nội trị của nước ta. Khi người Việt mới đến nơi này, họ gọi khu phố hành chánh ở phía trên cao (chỗ nhà thờ, nhà thương Đồn Đất) là Đồng-Nai, Phiên An hoặc Phan An, Gia Định; còn khu phố thương mại ở phía thấp, có ghe thuyền đi lại là Bến-Nghé hay Bến Thành.

Bến-Nghé là cái bến mà người Cao-Miên trước kia gọi là Kompong Krabey (Kompong là bến, Krabey là trâu) (2). Bến-

Nghé nằm bên con rạch cùng tên (thời Pháp thuộc gọi là Arroy Chinois) một chi nhánh của sông Sài-Gòn. Sông này gặp sông Đồng-Nai ở Nhà Bè. Còn **Bến Thành** là cái bến nằm ở địa điểm Chợ Cũ bây giờ, trước kia có cái lạch đi đến hào thành Phiên An mà nay lấy đi thành đại lộ Nguyễn Huệ.

Trong số những danh từ bí hiểm để chỉ các thị trấn Miền Nam, tôi đã nhiều lần thắc mắc về hai chữ Sài-Gòn. Sài-Gòn hay *Sài-Côn*, hai chữ ấy có nghĩa là “cũi gòn”, một danh từ rất thông dụng trong thư từ của các giáo sĩ Tây Phương đến đây hồi thế kỷ XVIII. Sài là cũi, như chúng ta thấy trong câu:

“Cửa sài vừa ngỏ then hoa”

(Kim Vân Kiều)

hoặc câu:

“Cảnh sài môn hé nửa, đi sể nghiêng vai”

(Thơ Nguyễn Hảng).

Đi sâu vào vấn đề, chúng ta có thể thấy ba giả thuyết về nguồn gốc của hai chữ Sài-Gòn:

1/- Nguồn gốc Cao-Miên: Chữ Sài-Gòn phiên dịch từ chữ **Prelkor** hay *Prel Nokor* nghĩa là Rừng Gòn (Prel là rừng: Kor là gòn). (3)

2/- Nguồn gốc Trung-Hoa: Sài-Gòn do hai chữ **Đê Ngạn** mà người Quảng-Đông đọc là **Tai Ngon** hay **Thầy Gòn**. Đê ngạn có nghĩa là bờ đê, danh từ mà người Trung-Hoa từ năm 1778 đã gán cho thành phố Chợ Lớn. Có lẽ, người Tây Phương đã tiếp xúc với người Tàu trong việc thương mại nên họ đã phiên âm Tai Ngon ra Sài-Gòn?

3/- Sài-Gòn do hai chữ **Tây Cống** nghĩa là cống hiến cho Tây Phương, để ám chỉ việc nước ta cống hiến đất Nam Kỳ cho Tây Phương chẳng? Đây là một giải thích sơ đẳng (explication simpliste).

Lại cũng có một số danh từ bí hiểm khác mà chúng ta sẽ lần lượt “*phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông*” như: “**Thị Nghè**” là tên của bà *Nguyễn Thị Khánh*, con gái Vân Trường Hầu Nguyễn Cửu Đàm, tự Vân và là vợ của một Ông Nghè làm việc ở Dinh Tổng Trấn. Muốn chồng mình đi làm việc khỏi phải đi dò ngang sông, Bà ta mới xuất tiền làm một cây cầu gỗ bắc ngang con lạch; dân chúng cũng nhờ đó mà được qua lại dễ dàng nên về sau gọi là cầu “*Bà Nghè, Thị Nghè*”, để nhớ ơn một bậc nữ lưu đáng quý trọng. Cái cầu này làm cho chúng ta nhớ đến một cái cầu khác ở Miền Trung gọi là “**Cầu Ngói Thanh Toàn**” thuộc huyện Phú Vang cũng do một bậc nữ lưu bỏ tiền ra xây cất:

**“Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn,
Chờ em đi với một đoàn cho vui!”**

Cũng trên con sông Thị Nghè, chúng ta có thể đi ngang qua **Cầu Bông** (4) hay là cầu Xóm Bông để sang Gia Định; còn muốn về Phú Nhuận thì phải qua **Cầu Kiệu** hay cầu Xóm Kiệu. Hai vùng này xưa trông rất nhiều bông hoa và hành kiệu. Còn có một cái cầu nữa là “**Cầu Ông Lãnh**”, tên gọi một vị Lãnh Binh đời Tả Quân Lê Văn Duyệt có công xây dựng cây cầu này để qua lại sông Bến Nghé. Tương truyền Ông Lãnh Binh này có bốn người vợ mà Ông đã khéo léo giao cho mỗi người khai thác một ngôi chợ (theo phương pháp kinh tế tự túc mà ngày xưa các cụ thường hay áp dụng): đó là “*Bà Chiêu, Bà Diễm, Bà Hom và Bà Queo*”.

Nói về những địa danh bí hiểm thì còn nhiều lắm. Chúng tôi tưởng chỉ nên nhắc qua rằng: **Sở Ba-Son** là do chữ “Bassin de Radoub”; **Lang-Tho** do chữ Tân Thuận; vườn **Bờ-Rô** do tên Đô Đốc Amiral Rozes (mà trước năm 1954 người ta còn quen gọi), thường gọi là **Vườn Ông Thượng** tức là vườn của Ông Thượng Lê Văn Duyệt; cũng như **Đa-Kao** do chữ Đất Hộ mà người Tây Phương đọc sai mà ra.

Đi xa Sài-Gòn, chúng ta lại gặp nhiều địa danh ngộ nghĩnh như **Thủ-Dầu-Một** để nhớ cây dầu (diptérocarpus alatus) lớn đứng

một mình ở đầu tỉnh; **Ô-Cấp** - tức Vũng Tàu ngày nay - do chữ “Au Cap”.

Lại còn có những địa danh gốc tích Mã-Lai hoặc Cao-Miên như là **Mỹ-Tho** do chữ Me Sa (có nghĩa là Bà Trắng); **Sa-Đéc** do chữ Phsar Dec (có nghĩa là Chợ Sắt); **Trà-Vinh** do chữ Pratrapeang (có nghĩa là hồ của Phật Thánh); **Sóc-Trăng** do chữ Srok Treang (có nghĩa là xứ, kho; pays du trésor); **Bãi-Xàu** do chữ Bay Chhau (cơm chưa nấu chín); **Bắc-Liêu** hay Bạc-Liêu do chữ Po Loenh (cây da cao); **Cà-Mau** do chữ Tuk Khmau (nước đen); **Phú-Quốc** do chữ Koh Tral (hòn đảo cái thoi); **Kế-Sách** do chữ Khsach (có nghĩa là cát); **Vàm-Cổ** do chữ Valco; **Bassac** do chữ Bathat (ta gọi là Ba-Thắc); **Thốt-Nốt** do chữ Thnot (cây dừa đường; borassus flabelliformis); **Mãng-Cụt** do chữ Mongkut và **Xoài-Riêng** hay **Sầu-Riêng** do chữ Mã-Lai Dourion để chỉ thứ trái cây đặc biệt ở xứ ấy.

Nói đến Nam Bộ tất nhiên ta phải nhắc đến hai thứ trái cây đặc biệt ấy - Hai thứ trái tiêu biểu cho đức tính của người Nam Bộ - Vỏ nó sù sì nhưng lòng nó chứa đựng trân cam ngũ vị. Thân hình nó gai góc, nhưng khi chín thì từ trên cây nó chỉ rụng xuống trong đêm trường canh vắng, để tránh mọi tai nạn cho người say mê nó, âu cũng là để chứng minh “*cái hậu của Trời Đất*”. Cái hậu của Trời Đất hình như đã quy tụ rất nhiều ở xứ Đồng-Nai - Gia Định.

Xứ này, với khí hậu hiền hoà, với dân tình chất phát, với đất ruộng phì nhiêu, với sông dài, biển rộng, quả là một phong phú địa mà Trời dành cho con Hồng, cháu Lạc.

Đồng-Nai - Gia Định là nơi hun đúc khí phách hiên ngang của người dũng sĩ, nghĩa khí trung can, hoàn thành sứ mạng nối liền Cửu-Long với Hồng Hà, đồng thời là ngã ba quốc tế, nơi hẹn hò của những tao nhân mặc khách, những kẻ tài ba lỗi lạc từ bốn phương về xây dựng một cuộc đời tươi đẹp, trong cảnh:

“Thái bình nên gắng sức, non nước ấy nghìn thu”.

Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm

Chú thích:

(1) *Cửu-Long*: Phiên âm từ chữ Klong, Krong, Kong và Ksong (Mường ngữ) nghĩa là sông. Như *Mékong* có nghĩa là Mẹ Sông, sông mẹ, sông cái. Người Tàu phiên âm thành Cửu-Long có nghĩa là chín con rồng (rồng mẹ và rồng con quy về Nam Việt); đây là một cách mỹ hoá danh từ cho đẹp và dễ nhớ. Lúc ban sơ sông khởi thủy ở Tây-Tạng chỉ là một dòng sông; chảy xuyên qua 6 nước Đông Nam Á, tới tận Nam Việt mới chia ra nhiều dòng đổ ra biển do chín cửa sông.

(2) *Kompong* đọc nhanh thành K'pong, đã được dân Việt ta hoá thành chữ Vững, ví dụ như Kompong Som thành ra Vững-Thom.

(3) *Prei Nokor*: Rừng xứ, rừng Vương Quốc (Forêt du Royaume). Nokor xuất xứ từ chữ Phạn Nogara, Nogar, Việt hoá thành Nok, Nác, Nước là xứ.

(4) *Cầu Bông*: xứ gọi là Cầu Hoa, nhưng tới đời Vua Minh Mạng có bà vợ người Miền Nam tên là Hồ Thị Hoa; cho nên vì kỵ húy (tabou strict) mới đổi Hoa ra Bông. Do vậy mà các địa danh Cầu Hoa, Đông Hoa (ở Huế) phải đổi ra là Cầu Bông, Đông Ba.